

Số: 1240/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, ban quản lý dự án thuộc và trực thuộc
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, ban quản lý dự án thuộc và trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là đơn vị thuộc Bộ) theo chi tiết tại phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm quản lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, các văn bản có liên quan theo nhiệm vụ được giao:

1. Giao Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm

- Quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ các chức danh Lãnh đạo Bộ theo quy định.

- Quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Bộ và các Vụ, Văn phòng Đảng - Đoàn thể và Văn phòng Ban cán sự đảng; Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo theo quy định.

2. Giao Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Văn phòng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) chịu trách nhiệm:

- Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm quyết định số lượng xe ô tô giao cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổng cục trực tiếp quản lý, sử dụng theo quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 10 Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày 26/6/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

- Văn phòng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm, quản lý xe ô tô phục vụ chức danh Tổng cục trưởng theo quy định và quản lý toàn bộ xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị trực thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (trừ Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp) theo quy định.

3. Giao các Cục, Thanh tra chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị theo quy định.

4. Giao các đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác thuộc Bộ có chế độ, tiêu chuẩn sử dụng và được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung tiếp tục quản lý, sử dụng xe ô tô của đơn vị mình đảm bảo hiệu quả theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ; tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Cu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (để đăng tải thông tin);
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC.

72)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Bá Hoan

PHỤ LỤC

ĐỊNH MỨC TỐI ĐA XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 1240/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)



| STT | Đơn vị | Định mức xe ô tô tối đa theo quy định | Ghi chú |
|----------|--|---------------------------------------|--|
| | Tổng | 95 | |
| A | Khối Cục, Vụ và tổ chức tương đương | 21 | |
| 1 | Văn phòng Bộ và các Vụ, đơn vị khác (Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Bình đẳng giới, Vụ Pháp chế, Vụ Bảo hiểm xã hội, Văn phòng Đảng - Đoàn thể và Văn phòng ban cán sự đảng, Văn phòng Quốc gia giảm nghèo) | 06 | Trong đó có 02 xe ô tô 2 cầu công suất lớn phục vụ công tác đặc thù của Bộ (01 xe ô tô với mức giá tối đa là 4,5 tỷ đồng/xe và 01 xe với mức giá tối đa là 2,8 tỷ đồng/xe) |
| 2 | Cục Quan hệ lao động và Tiền lương | 01 | |
| 3 | Cục Việc làm | 01 | |
| 4 | Cục An toàn lao động | 01 | |
| 5 | Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội | 01 | |
| 6 | Cục Bảo trợ xã hội | 01 | |
| 7 | Cục Trẻ em | 01 | |
| 8 | Cục Người có công | 01 | |
| 9 | Cục Quản lý lao động ngoài nước | 01 | |
| 10 | Thanh tra | 02 | |
| 11 | Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (13 đơn vị trực thuộc, gồm: Văn phòng, Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Vụ Đào tạo chính quy, Vụ Đào tạo thường xuyên, Vụ Nhà giáo, Vụ Cơ sở vật chất và thiết bị, Vụ Công tác học sinh, sinh viên, Vụ Kỹ năng nghề, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Pháp chế - Thanh tra, Ban quản lý các dự án giáo dục nghề nghiệp vốn ODA, Ban quản lý dự án Giáo dục nghề nghiệp vốn CTMTQG, CTMT giai đoạn 2016-2020) | 5 | |
| B | Khối đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác | 74 | |
| I | Khối đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khác trực thuộc Bộ | 64 | |
| 1 | Viện Khoa học Lao động và Xã hội | 02 | |
| 2 | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định | 02 | |
| 3 | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh | 02 | |
| 4 | Trường Đại học Lao động - Xã hội | 03 | |
| 5 | Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ | 01 | |
| 6 | Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long | 02 | |
| 7 | Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II | 02 | |
| 8 | Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất | 02 | |
| 9 | Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An | 02 | |
| 10 | Trung tâm Điều dưỡng - Phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì | 02 | |
| 11 | Trung tâm Phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật | 03 | |
| 12 | Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam | 01 | |
| 13 | Trung tâm Công nghệ Thông tin | 01 | |
| 14 | Trung tâm Lao động ngoài nước | 02 | |
| 15 | Tạp chí Lao động và Xã hội | 0 | |
| 16 | Báo Dân trí | 03 | |

| STT | Đơn vị | Định mức xe ô tô tối đa theo quy định | Ghi chú |
|-----------|---|---------------------------------------|---------|
| 17 | Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực I | 02 | |
| 18 | Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực II | 03 | |
| 19 | Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực III | 01 | |
| 20 | Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Hà Nội | 01 | |
| 21 | Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Đà Nẵng | 02 | |
| 22 | Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | 01 | |
| 23 | Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ | 01 | |
| 24 | Trung tâm Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh | 01 | |
| 25 | Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh | 02 | |
| 26 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | 01 | |
| 27 | Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam | 0 | |
| 28 | Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiết bị giáo dục nghề nghiệp | 01 | |
| 29 | Quỹ Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam | 0 | |
| 30 | Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước | 01 | |
| 31 | Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp | 01 | |
| 32 | Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Hà Nội | 01 | |
| 33 | Trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh | 02 | |
| 34 | Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế LILAMA2 | 02 | |
| 35 | Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình đô thị | 02 | |
| 36 | Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1 | 02 | |
| 37 | Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng | 01 | |
| 38 | Trường Cao đẳng Cơ giới Xây dựng | 01 | |
| 39 | Trường Cao đẳng nghề xây dựng | 01 | |
| 40 | Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 | 02 | |
| 41 | Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định | 02 | |
| II | Khối đơn vị trực thuộc Cục và tổ chức tương đương | 10 | |
| 1 | Nhà khách Người có công tại Hà Nội thuộc Văn phòng Bộ | 0 | |
| 2 | Nhà khách Người có công tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Văn phòng Bộ | 0 | |
| 3 | Trung tâm Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động thuộc Cục Quan hệ lao động và Tiền lương | 0 | |
| 4 | Trung tâm Quốc gia về dịch vụ việc làm thuộc Cục Việc làm | 01 | |
| 5 | Trung tâm Quốc gia về An toàn - Vệ sinh lao động thuộc Cục An toàn lao động | 01 | |
| 6 | Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ truyền thông thuộc Cục Trẻ em | 0 | |
| 7 | Trung tâm Điều dưỡng thương binh và người có công Long Đất thuộc Cục Người có công | 02 | |
| 8 | Trung tâm Điều dưỡng người có công Sầm Sơn thuộc Cục Người có công | 01 | |
| 9 | Trung tâm Điều dưỡng thương binh Thuận Thành thuộc Cục Người có công | 01 | |
| 10 | Trung tâm Điều dưỡng thương binh Lạng Giang thuộc Cục Người có công | 0 | |
| 11 | Trung tâm Điều dưỡng thương binh Kim Bảng thuộc Cục Người có công | 02 | |
| 12 | Trung tâm Điều dưỡng thương binh Duy Tiên thuộc Cục Người có công | 01 | |
| 13 | Trung tâm Điều dưỡng người có công Miền Trung thuộc Cục Người có công | 01 | |